TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ -ST
Ngày: 10 - 4 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Đình Vang và ông Dương Quốc Phòng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Quỳnh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 06/2024/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn B tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý và đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 4 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, từ tháng 8/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đã nhiều lần cố gắng hòa giải đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng đã

sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẩn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục, không còn cách nào để hàn gắn và xây dựng hạnh phúc gia đình, nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Hoàng Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 07/02/2016. Khi ly hôn chị L yêu cầu Tòa án giao con chung cho anh Nguyễn Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/01/2024 bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B thống nhất với phần trình bày của chị Hoàng Thị L về thời gian tìm hiểu, kết hôn và thời gian chung sống. Sau khi kết hôn được gần hai năm anh B sang Lào làm ăn, chị L bỏ đi và vợ chồng sống không được hạnh phúc, ly thân nhau từ đó cho đến nay. Tuy nhiên anh B là người công giáo nên anh B không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 07/02/2016. Khi ly hôn anh B yêu cầu Tòa án giao con chung cho anh Nguyễn Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị L cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Tại bản tự khai, Anh B có trình bày và yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản trong thời kỳ hôn nhân là hai cây vàng và anh B yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết và đương sự trong vụ án là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 07/02/2016 cho anh Nguyễn Văn B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn B đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 4/2024.

[4] Về tài sản chung: Không có căn cứ xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23 số 0002526 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Chị Hoàng Thị L còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Chị Hoàng Thị L có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn B. Anh B là bị đơn cư trú tại Thôn T, xã Hưng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn B đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn B tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 4 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Hoàng

Thị L cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến thời gian gần đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hợp nhau do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung về tất cả các vấn đề trong cuộc sống. Hiện nay vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Anh B cũng thống nhất quá trình chung sống vợ chồng sống không được hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, tuy nhiên anh B là người công giáo nên không đồng ý ly hôn với chị L.

Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Giữa chị L và anh B hiện nay đã sống ly thân và không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, chị L kiên quyết xin ly hôn với anh B chứng tỏ tình cảm của chị L dành cho anh B đã hết. Anh B không đồng ý ly hôn với chị L không phải vì còn tình cảm mà vì anh B là người Công giáo nên không được phép ly hôn (theo giáo lý). Như vậy có thể thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh B là có cơ sở nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 07/02/2016. Khi ly hôn chị L và anh B đều thống nhất giao con chung cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành nhiều biện pháp để thu thập lấy ý kiến, nguyện vọng đối với cháu A, tuy nhiên cháu A không có mặt ở nhà. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Hoàng A sống với anh B từ nhỏ đến nay, để tránh gây xáo trộn về tâm lý và đảm bảo quyền lợi về vật chất, tinh thần của người chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu A cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu A trưởng thành hoặc đến khi có quyết định khác thay thế là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với nguyện vọng của chị L và anh B.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét việc cấp dưỡng của chị L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với yêu cầu của anh B nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng anh Nguyễn Văn B tại bản tự khai có nêu ra yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản trong thời kỳ hôn nhân là hai cây vàng và anh B yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Sau khi nhận được ý kiến của anh B tại bản tự khai, Tòa án đã ban hành thông báo bổ sung tài liệu, chứng cứ số 351/TB - TA ngày 22/02/2024 yêu cầu anh B cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, tuy nhiên đã hết thời gian đã được Toà án ấn định nhưng anh B không có ý kiến phản hồi cũng như không hợp tác lên Tòa án để làm việc, vì vậy đối với yêu cầu của anh B là không có cơ sở để xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết

[6] Về án phí sơ thẩm:

Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 07/02/2016 cho anh Nguyễn Văn B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn B đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 4/2024.

[4] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Không xem xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn B "v/v Yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản trong thời kỳ hôn nhân là hai cây vàng".

[5] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

BLTU/23 số 0002526 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Chị Hoàng Thị L còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã H, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Quảng